

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-22 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196624

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000001	35191025492	Nguyễn Văn An	21/12/1998	LT24.2FT03				
2	000002	35201025178	Phạm Thị Hoàng An	06/11/1996	LT25.2FN01				
3	000003	35191025501	Phạm Thị Trường An	12/11/1992	LT24.2KN01				
4	000004	35201021004	Thái Nguyễn Thanh An	31/05/1996	LT25.1FN01				
5	000005	35191020242	Trần Hoàng An	18/06/1993	LT24.1AD01				
6	000006	35191025377	Trần Thị An	20/01/1991	LT24.2FN01				
7	000007	35191025057	Cao Thị Phương Anh	16/04/1998	LT24.2KN03				
8	000008	35191025225	Đỗ Thị Anh	19/10/1997	LT24.2KN02				
9	000009	35181025615	Hoàng Nhật Anh	31/08/1986	LT23.2KN001				
10	000010	35201020266	Hoàng Thị Kim Anh	08/12/1997	LT25.1FT02				
11	000011	35201020376	Lê Thị Thúy Anh	31/05/1998	LT25.1FT01				
12	000012	35181025513	Lê Việt Anh	01/04/1995	LT23.2FT001				
13	000013	35201020124	Lê Vũ Hào Anh	30/04/1994	LT25.1AD01				
14	000014	35201020239	Lý Thùy Anh	25/09/1992	LT25.1FN01				
15	000015	35201020223	Nguyễn Đức Anh	17/10/1992	LT25.1KN01				
16	000016	35201025381	Nguyễn Ngọc Lan Anh	02/06/1998	LT25.2FT01				
17	000017	35181020601	Nguyễn Thị Thục Anh	26/05/1982	LT23.1KN002				
18	000018	35191025429	Phạm Thị Lan Anh	03/04/1997	LT24.2KN02				
19	000019	35201020462	Trần Lan Anh	01/03/1998	LT25.1FN01				
20	000020	35201020313	Trần Quốc Anh	11/02/1991	LT25.1FN01				
21	000021	35191025350	Trần Thị Kim Anh	09/03/1998	LT24.2KN03				
22	000022	35201020054	Trần Thị Lan Anh	28/07/1991	LT25.1AD02				
23	000023	35181021369	Võ Huỳnh Xuân Anh	03/02/1995	LT23.1KN003				
24	000024	35201020163	Võ Nguyễn Trâm Anh	20/03/1996	LT25.1AD01				
25	000025	35191022010	Nguyễn Thị Diệu Ái	01/06/1998	LT24.2FT01				
26	000026	35181020784	Phạm Thị Ngọc Ái	27/06/1991	LT23.1KN003				
27	000027	35201020327	Nguyễn Đình Minh Ánh	08/08/1998	LT25.1FT01				
28	000028	35201020206	Phan Thị Ánh	05/03/1998	LT25.1FT02				
29	000029	35201020447	Tạ Trương Hồng Ánh	06/02/1999	LT25.1AD01				
30	000030	35201025091	Trương Thị Ánh	16/08/1992	LT25.2KN01				
31	000031	35181020484	Hồ Vũ Đình Ân	16/12/1994	LT23.1KN002				
32	000032	35191020413	Võ Tri Ân	09/03/1993	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-22 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196624

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000033	35201020104	Nguyễn Thái Bảo	25/02/1994	LT25.1AD01				
34	000034	35201020079	Trương Thị Hoài Bảo	29/11/1998	LT25.1KN01				
35	000035	35191025304	Bùi Quang Bình	21/06/1995	LT24.2FN01				
36	000036	35181021118	Chung Thanh Bình	26/04/1989	LT23.1KN003				
37	000037	35201020295	Trương Thị Ngọc Bình	24/11/1999	LT25.1FN01				
38	000038	35181025010	Phạm Thị Ngọc Bích	19/07/1996	LT23.2AD001				
39	000039	35181025503	Phạm Võ Ngọc Bích	17/09/1996	LT23.2FT001				
40	000040	35181025221	Trần Thị Cảnh	13/05/1983	LT23.2KN002				
41	000041	35201025154	Đinh Khánh Châu	09/07/1999	LT25.2KN01				
42	000042	35191025165	Lâm Tường Châu	10/11/1988	LT24.2KN03				
43	000043	35181025504	Ngô Đình Châu	20/08/1990	LT23.2AD001				
44	000044	35191025300	Nguyễn Lê Bích Châu	11/01/1998	LT24.2AD02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-18 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196625

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000045	35201020529	Nguyễn Ngọc Minh Châu	07/03/1997	LT25.1FN01				
2	000046	35191025388	Nguyễn Thị Minh Châu	24/05/1997	LT24.2KN03				
3	000047	35201020470	Phạm Ngọc Châu	26/02/1998	LT25.1AD01				
4	000048	35191025107	Đặng Thị Mỹ Chi	22/08/1998	LT24.2FN02				
5	000049	35211020573	Đỗ Thùy Linh Chi	12/01/1995	LT26.1KN02				
6	000050	35191025314	Lê Phương Chi	05/10/1996	LT24.2FT03				
7	000051	35191020444	Lê Thị Kim Chi	14/08/1990	LT24.1FT01				
8	000052	35181025140	Nguyễn Thị Khánh Chi	28/11/1994	LT23.2KN002				
9	000053	35201025114	Nguyễn Thị Xuân Chi	06/02/1993	LT25.2FN01				
10	000054	35191025009	Trần Thị Trúc Chi	15/08/1994	LT24.2FN01				
11	000055	35181025482	Lê Chon Chon	05/03/1993	LT23.2AD001				
12	000056	35191025291	Trần Thị Chung	01/01/1985	LT24.2KN02				
13	000057	35201025417	Trần Bảo Cơ	17/02/1997	LT25.2FN01				
14	000058	35211020554	Nguyễn Thị Kim Cương	29/09/1995	LT26.1KN02				
15	000059	35181021245	Hồ Huỳnh Danh	06/05/1996	LT23.1FN001				
16	000060	35201020133	Trương Thị Mỹ Danh	01/01/1997	LT25.1FT02				
17	000061	35181021111	Nguyễn Huy Dâng	12/03/1994	LT23.1AD003				
18	000062	35181025454	Huỳnh Thị Thanh Diễm	26/05/1995	LT23.2AD001				
19	000063	35201020038	Lê Thị Diễm	09/10/1993	LT25.1AD02				
20	000064	35191025261	Lê Thị Ngọc Diễm	15/01/1996	LT24.2FT03				
21	000065	35201025053	Trần Thị Thu Diễm	16/01/1993	LT25.2KN01				
22	000066	35201020524	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	02/06/1993	LT25.1AD01				
23	000067	35191020236	Nguyễn Thị Út Diệu	22/11/1995	LT24.1AD01				
24	000068	35191025428	Trương Nguyễn Bích Du	02/09/1998	LT24.2FT02				
25	000069	35191025294	Đỗ Thị Hạnh Dung	28/07/1995	LT24.2AD01				
26	000070	35201020530	Đỗ Thị Thùy Dung	27/05/1998	LT25.1FT03				
27	000071	35191025307	Huỳnh Thị Tuyết Dung	10/03/1992	LT24.2FN02				
28	000072	35181020673	Lê Thị Mỹ Dung	19/12/1992	LT23.1KN003				
29	000073	35201025200	Nguyễn Thị Hoàng Dung	01/01/1991	LT25.2FN01				
30	000074	35201020012	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/11/1998	LT25.1AD02				
31	000075	35181020188	Trần Khánh Duy	16/10/1995	LT23.1AD004				
32	000076	35191020315	Bùi Thị Mỹ Duyên	19/05/1997	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-18 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196625

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000077	35201025191	Cao Thị Xuân Duyên	25/03/1996	LT25.2KN01				
34	000078	35181025494	Đỗ Thị Mỹ Duyên	08/09/1996	LT23.2KN001				
35	000079	35181020814	Lào Thị Thùy Duyên	30/10/1985	LT23.1KN004				
36	000080	35201020506	Nguyễn Thị Duyên	02/03/1998	LT25.1FT03				
37	000081	35191025163	Nguyễn Thị Kiều Duyên	03/05/1998	LT24.2KN02				
38	000082	35201025014	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/09/1996	LT25.2KN01				
39	000083	35201020401	Nguyễn Thị Thu Duyên	25/01/1995	LT25.1AD01				
40	000084	35201020011	Nguyễn Thụy Thùy Duyên	13/07/1994	LT25.1AD01				
41	000085	35201020166	Phạm Thị Duyên	10/10/1996	LT25.1FT02				
42	000086	35191020247	Võ Thanh Duyên	14/11/1995	LT24.1KN01				
43	000087	35201025192	Nguyễn Anh Dũng	09/08/1994	LT25.2FN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-19 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196626

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000120	35201025048	Lê Thị Hằng	24/01/1996	LT25.2KN01				
34	000121	35201020402	Lê Thị Thúy Hằng	24/03/1992	LT25.1FT03				
35	000122	35191022044	Lê Thị Xuân Hằng	11/11/1998	LT24.2KN01				
36	000123	35191025176	Nguyễn Thị Lệ Hằng	12/11/1994	LT24.2FT02				
37	000124	35201020356	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/10/1993	LT25.1FT01				
38	000125	35181020665	Nguyễn Thị Thanh Hằng	03/05/1993	LT23.1KN002				
39	000126	35201020013	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/02/1990	LT25.1KN02				
40	000127	35191025434	Trần Thị Hằng	25/08/1994	LT24.2FN02				
41	000128	35201020219	Trần Thị Mỹ Hằng	26/10/1991	LT25.1FT03				
42	000129	35201020575	Võ Thị Hằng	15/05/1990	LT25.1KN01				
43	000130	35201025316	Nguyễn Hoàng Gia Hân	15/09/1998	LT25.2KN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-20 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196627

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000131	35191020270	Nguyễn Hồng Ngọc Hân	18/10/1997	LT24.1KN02				
2	000132	35201020392	Nguyễn Thị Hậu	25/09/1997	LT25.1FT01				
3	000133	35201020222	Nguyễn Trung Hậu	21/05/1994	LT25.1FT02				
4	000134	35201020323	Võ Xuân Hậu	19/03/1987	LT25.1FT01				
5	000135	35201020609	Lê Thị Hết	25/05/1996	LT25.1KN03				
6	000136	35201025222	Nguyễn Thị Kim Hết	14/10/1992	LT25.2FN01				
7	000137	35201020170	Đinh Thị Thu Hiền	29/09/1993	LT25.1KN01				
8	000138	35201025220	Đỗ Thị Thu Hiền	13/08/1991	LT25.2KN02				
9	000139	35201020326	Lý Thục Hiền	01/03/1998	LT25.1FT01				
10	000140	35191025265	Mai Thị Hiền	15/07/1997	LT24.2AD02				
11	000141	35201020552	Nguyễn Quốc Hiền	13/08/1996	LT25.1AD01				
12	000142	35201020115	Nguyễn Thị Hiền	16/07/1989	LT25.1KN01				
13	000143	35191025351	Nguyễn Thị Kim Hiền	05/07/1998	LT24.2KN03				
14	000144	35181020906	Phan Thị Hiền	25/01/1996	LT23.1FN001				
15	000145	35201020271	Trần Nguyễn Hữu Hiền	23/11/1998	LT25.1KN01				
16	000146	35181020185	Trần Thị Hiền	15/01/1996	LT23.1AD004				
17	000147	35191025221	Trương Thị Thanh Hiền	05/04/1998	LT24.2AD02				
18	000148	35201020080	Phạm Văn Hiền	22/07/1988	LT25.1AD01				
19	000149	35201020348	Hồ Thị Thanh Hiếu	12/04/1998	LT25.1FT03				
20	000150	35201025010	Nguyễn Minh Hiếu	11/10/1995	LT25.2FN01				
21	000151	35201020340	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992	LT25.1AD01				
22	000152	35191025233	Phạm Ngọc Hiếu	06/04/1991	LT24.2FN01				
23	000153	35191022051	Trần Trọng Hiếu	30/08/1995	LT24.2FT01				
24	000154	35191025401	Trương Trung Hiếu	04/04/1992	LT24.2FN02				
25	000155	35201020198	Vũ Chí Hiếu	24/07/1993	LT25.1FN01				
26	000156	35191025016	Ngô Thị Ngọc Hoa	24/11/1998	LT24.2FN02				
27	000157	35201020067	Nguyễn Thị Diên Hoa	19/01/1998	LT25.1FT03				
28	000158	35201020331	Đoàn Khánh Hoàng	22/02/1992	LT25.1FN01				
29	000159	35191025207	Lê Nhật Hoàng	15/05/1991	LT24.2FN02				
30	000160	35201020515	Trương Vĩnh Hoàng	18/12/1996	LT25.1FT03				
31	000161	35201020582	Võ Tấn Hoàng	05/08/1996	LT25.1FN01				
32	000162	35201020411	Dương Thị Khánh Hòa	12/08/1989	LT25.1KN02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-20 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196627

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000163	35201020526	Trương Thị Thuận	Hòa	19/05/1992	LT25.1KN02				
34	000164	35201020299	Hoàng Thị Thu	Hồng	12/02/1984	LT25.1KN01				
35	000165	35191022033	Lê Thị Ánh	Hồng	27/09/1998	LT24.2KN01				
36	000166	35201020105	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng	30/01/1996	LT25.1FT03				
37	000167	35181021056	Lê Thị Kim	Huệ	30/03/1993	LT23.1FN002				
38	000168	35181020662	Nguyễn Trần Đắc	Huy	14/02/1995	LT23.1KN004				
39	000169	35181025106	Nguyễn Việt	Huy	13/07/1990	LT23.2FT001				
40	000170	35201020383	Nguyễn Thị Tố	Huyền	11/08/1998	LT25.1FT01				
41	000171	35191025317	Đặng Thị	Huyền	07/06/1998	LT24.2AD01				
42	000172	35181020457	Huỳnh Gia Khánh	Huyền	14/05/1996	LT23.1FT002				
43	000173	35191025353	Lý Thị Khánh	Huyền	12/11/1998	LT24.2AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-21 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196628

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000174	35191025272	Mai Thị Lê	Huyền	05/10/1987	LT24.2KN02			
2	000175	35201020236	Phan Thị Ngọc	Huyền	24/10/1998	LT25.1FT01			
3	000176	35201020030	Trần Mỹ	Huyền	25/10/1996	LT25.1KN01			
4	000177	35191020478	Trần Thị Bích	Huyền	03/02/1990	LT24.1KN01			
5	000178	35181025027	Nguyễn Minh	Hùng	30/04/1996	LT23.2AD001			
6	000179	35181025600	Phan Trần Ngọc	Hùng	15/05/1996	LT23.2FT001			
7	000180	35191025479	Bùi Diễm	Hương	12/06/1996	LT24.2KN02			
8	000181	35191025144	Hồ Thị Thanh	Hương	14/12/1996	LT24.2KN01			
9	000182	35191025357	Mai Thị Thanh	Hương	04/01/1998	LT24.2FT02			
10	000183	35201025225	Phan Thị Thanh	Hương	17/12/1991	LT25.2FN01			
11	000184	35191025010	Trần Thị	Hường	02/11/1997	LT24.2KN01			
12	000185	35201020092	Đặng Minh	Kha	12/06/1995	LT25.1FN01			
13	000186	35201020433	Nguyễn An	Khang	30/05/1999	LT25.1AD02			
14	000187	35201020484	Trang Duy	Khang	13/06/1999	LT25.1KN02			
15	000188	35201020032	Nguyễn	Khánh	06/08/1998	LT25.1AD01			
16	000189	35201020403	Nguyễn	Khánh	21/10/1998	LT25.1FT01			
17	000190	35201025380	Nguyễn Thiên	Khánh	31/01/1998	LT25.2FT01			
18	000191	35201020157	Trần Thụy Đông	Khương	12/01/1996	LT25.1AD02			
19	000192	35191025263	Vũ Đình	Kiên	21/06/1993	LT24.2FT02			
20	000193	35191025426	Biện Thị Thúy	Kiều	08/05/1998	LT24.2FT02			
21	000194	35191025244	Lê Thị Giang	Kiều	20/11/1994	LT24.2FN01			
22	000195	35191025251	Lê Thị Thu	Kiều	08/10/1992	LT24.2KN02			
23	000196	35191025046	Nguyễn Thị	Kiều	23/11/1998	LT24.2FN02			
24	000197	35201020100	Nguyễn Thị Kim	Kiều	14/01/1992	LT25.1AD01			
25	000198	35191025079	Lê Quỳnh Trúc	Lam	20/05/1998	LT24.2FN01			
26	000199	35201020107	Phan Mai Quế	Lam	04/09/1995	LT25.1FT01			
27	000200	35201020502	Bùi Thị	Lan	15/10/1991	LT25.1FT01			
28	000201	35181025457	Hồ Ngọc	Lan	28/06/1993	LT23.2KN002			
29	000202	35201025026	Lê Thị Phương	Lan	24/06/1995	LT25.2KN01			
30	000203	35191020411	Mai Ngọc	Lan	15/05/1997	LT24.1KN02			
31	000204	35191020187	Nguyễn Thị Thu	Lanh	07/08/1996	LT24.1KN01			
32	000205	35201020606	Nguyễn Thị	Lài	11/01/1999	LT25.1KN02			

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-21 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196628

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000206	35191025239	Nguyễn Thị Bích Lài	02/10/1993	LT24.2AD01				
34	000207	35201020596	Đỗ Thị Ngọc Lành	10/09/1993	LT25.1KN03				
35	000208	35181025053	Đặng Hoàng Lâm	01/01/1996	LT23.2AD001				
36	000209	35181025568	Nguyễn Bá Lâm	21/11/1996	LT23.2FT001				
37	000210	35201020546	Đinh Thị Quỳnh Lê	30/06/1999	LT25.1AD02				
38	000211	35201020300	Phan Thị Lê	25/11/1995	LT25.1AD01				
39	000212	35191020075	Huỳnh Thị Kim Lệ	16/05/1992	LT24.1KN01				
40	000213	35201020135	Lê Thị Hồng Liên	05/03/1990	LT25.1KN01				
41	000214	35201020381	Nguyễn Thị Ngọc Liên	01/06/1997	LT25.1FT01				
42	000215	35181021008	Tạ Thị Liên	14/07/1991	LT23.1KN003				
43	000216	35181025250	Trần Thị Hương Liên	18/11/1990	LT23.2FN001				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-08 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196629

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000217	35201020438	Trần Bích Liễu	22/07/1980	LT25.1AD02				
2	000218	35201020482	Bùi Biên Linh	15/01/1991	LT25.1FT01				
3	000219	35191025252	Đinh Thị Hoài Linh	03/05/1998	LT24.2KN02				
4	000220	35201020537	Đỗ Thị Khánh Linh	20/06/1997	LT25.1FT03				
5	000221	35201025410	Đỗ Trần Khánh Linh	10/11/1998	LT25.2KN01				
6	000222	35191025119	Lê Thị Mỹ Linh	19/04/1998	LT24.2KN03				
7	000223	35181025125	Nguyễn Ngọc Linh	18/10/1995	LT23.2FT001				
8	000224	35201020110	Nguyễn Ngọc Hoàng Linh	23/09/1991	LT25.1FN01				
9	000225	35201025246	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	28/09/1992	LT25.2AD02				
10	000226	35201020597	Nguyễn Như Duy Linh	09/03/1997	LT25.1FT02				
11	000227	35191022043	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/01/1998	LT24.2KN01				
12	000228	35191025146	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/12/1998	LT24.2FT01				
13	000229	35191025476	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/09/1991	LT24.2AD01				
14	000230	35201020594	Nguyễn Thụy Ngọc Linh	10/02/1998	LT25.1FN01				
15	000231	35201020126	Nguyễn Trần Phụng Linh	11/10/1998	LT25.1FT03				
16	000232	35181020871	Nguyễn Từ Bảo Linh	04/03/1993	LT23.1FN001				
17	000233	35181020493	Phan Thị Mỹ Linh	18/07/1995	LT23.1KN001				
18	000234	35191025166	Phạm Thanh Linh	17/01/1997	LT24.2FN01				
19	000235	35181025201	Trần Thị Ngọc Linh	20/03/1994	LT23.2KN001				
20	000236	35201020008	Trần Vũ Duy Linh	12/01/1998	LT25.1FT03				
21	000237	35191025365	Trương Thị Yến Linh	20/07/1998	LT24.2FT02				
22	000238	35201020176	Võ Thị Thùy Linh	09/09/1992	LT25.1KN01				
23	000239	35201025171	Đỗ Thị Mỹ Loan	28/12/1998	LT25.2FT01				
24	000240	35191025311	Nguyễn Thị Hồng Loan	06/04/1998	LT24.2FT02				
25	000241	35201025073	Phan Thị Kim Loan	06/06/1999	LT25.2FT01				
26	000242	35201020283	Phạm Nguyễn Hồng Loan	02/05/1994	LT25.1AD01				
27	000243	35191025014	Thân Thị Cẩm Loan	04/07/1993	LT24.2FN01				
28	000244	35201020087	Phan Hữu Lợi	30/04/1998	LT25.1FT03				
29	000245	35191025109	Trịnh Thị Lợi	30/10/1992	LT24.2KN01				
30	000246	35191020385	Trần Kim Luyến	08/10/1988	LT24.1KN01				
31	000247	35191020434	Quách Thị Lương	01/12/1993	LT24.1KN02				
32	000248	35191025254	Nguyễn Tấn Lượng	18/03/1998	LT24.2AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-08 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196629

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000249	35191025264	Nguyễn Phương Ly	18/09/1998	LT24.2KN03				
34	000250	35191020488	Nguyễn Thị Mai Ly	14/05/1995	LT24.1KN02				
35	000251	35191020501	Thân Thị Mỹ Ly	04/10/1997	LT24.1KN03				
36	000252	35201020337	Trần Thị Thu Ly	24/12/1996	LT25.1FN01				
37	000253	35191025050	Võ Minh Hải Lý	20/08/1997	LT24.2AD01				
38	000254	35201020217	Hoàng Thị Mai	26/08/1992	LT25.1KN01				
39	000255	35201020317	Ngô Thị Ngọc Mai	12/09/1999	LT25.1KN01				
40	000256	35181021213	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02/12/1987	LT23.1KN002				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-09 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196630

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000257	35201020608	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	01/01/1997	LT25.1KN01				
2	000258	35181020651	Nguyễn Thị Thúy Mai	10/02/1993	LT23.1KN001				
3	000259	35181020742	Nguyễn Thị Tuyết Mai	29/06/1993	LT23.1KN002				
4	000260	35201020511	Nguyễn Thị Xuân Mai	10/08/1996	LT25.1KN01				
5	000261	35181025371	Nguyễn Thị Mẫn	10/04/1997	LT23.2FT001				
6	000262	35181020147	Nguyễn Trần Mẫn	13/11/1993	LT23.1AD004				
7	000263	35191022016	Nguyễn Trương Diệu Mẫn	05/09/1998	LT24.2KN01				
8	000264	35191025329	Nguyễn Thị Thu Mận	26/06/1996	LT24.2FN01				
9	000265	35191025471	Nguyễn Thị Kim Mến	20/06/1998	LT24.2FT01				
10	000266	35181020280	Lê Văn Minh	14/12/1988	LT23.1FT002				
11	000267	35191025324	Nguyễn Lê Nhật Minh	12/02/1996	LT24.2FN01				
12	000268	35191020281	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/05/1992	LT24.1KN03				
13	000269	35201020425	Phạm Công Minh	10/08/1998	LT25.1FT01				
14	000270	35201020604	Hà Thảo My	17/11/1996	LT25.1FN01				
15	000271	35191020452	Hoàng Thị My	15/02/1992	LT24.1KN02				
16	000272	35201020354	Lê Nguyễn Thảo My	19/11/1996	LT25.1AD01				
17	000273	35191025164	Nguyễn Ngọc Liễu My	08/12/1994	LT24.2FN01				
18	000274	35201020214	Phạm Thị Xuân My	08/08/1994	LT25.1AD02				
19	000275	35191025087	Trần Mai Thảo My	28/08/1994	LT24.2AD01				
20	000276	35181021024	Trần Thị Trà My	20/11/1991	LT23.1FT007				
21	000277	35201025353	Võ Trà My	24/12/1999	LT25.2KN02				
22	000278	35191025011	Trần Thị Na	08/03/1994	LT24.2KN01				
23	000279	35181021362	Trần Phương Nam	16/02/1992	LT23.1AD003				
24	000280	35181020709	Nguyễn Thị Nga	24/11/1991	LT23.1KN002				
25	000281	35181025144	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/06/1992	LT23.2KN002				
26	000282	35201025064	Võ Thị Ngọc Nga	17/01/1991	LT25.2KN01				
27	000283	35191025334	Võ Thị Thanh Nga	25/07/1996	LT24.2KN02				
28	000284	35181025075	Võ Thị Thu Nga	21/11/1993	LT23.2KN001				
29	000285	35191025004	Đoàn Thị Kim Ngân	24/11/1993	LT24.2FT01				
30	000286	35201020265	Lê Thị Thu Ngân	10/07/1990	LT25.1AD02				
31	000287	35201020122	Lê Thị Thùy Ngân	26/01/1994	LT25.1KN01				
32	000288	35201020094	Ngô Thị Bích Ngân	12/01/1998	LT25.1FT02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-09 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196630

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000289	35191025431	Nguyễn Đồng Kim Ngân	29/08/1998	LT24.2FT02				
34	000290	35191025114	Nguyễn Thị Thủy Ngân	04/04/1995	LT24.2KN03				
35	000291	35191025491	Phạm Nguyễn Kim Ngân	07/08/1998	LT24.2FT02				
36	000292	35191025201	Hồ Bá Minh Nghi	10/09/1995	LT24.2AD01				
37	000293	35201020128	Phạm Thúy Nghi	15/01/1989	LT25.1AD02				
38	000294	35201020598	Trần Nghiệp	13/02/1999	LT25.1KN01				
39	000295	35181020779	Võ Thị Minh Ngoan	10/06/1993	LT23.1KN003				
40	000296	35191025067	Đặng Bích Ngọc	08/03/1991	LT24.2FN02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-10 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196631

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000297	35201020136	Đinh Thị Ngọc	29/12/1998	LT25.1FT02				
2	000298	35191025407	Đỗ Thị Ngọc	17/03/1991	LT24.2FN01				
3	000299	35201020360	Hà Hồng Ngọc	04/09/1999	LT25.1KN01				
4	000300	35191022018	Hoàng Thái Ngọc	05/12/1998	LT24.2KN01				
5	000301	35191025490	Hoàng Thị Hồng Ngọc	05/05/1992	LT24.2AD01				
6	000302	35181025373	Lê Khánh Ngọc	27/02/1994	LT23.2FT001				
7	000303	35191020038	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	16/03/1995	LT24.1KN01				
8	000304	35181025480	Mai Nguyễn Hồng Ngọc	07/08/1997	LT23.2AD001				
9	000305	35191020426	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/04/1993	LT24.1KN03				
10	000306	35201025314	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/01/1994	LT25.2FN01				
11	000307	35191020019	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	17/01/1996	LT24.1AD01				
12	000308	35191025132	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	06/02/1997	LT24.2FT03				
13	000309	35201020486	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12/05/1990	LT25.1FN01				
14	000310	35191025438	Nguyễn Thị Kim Ngọc	03/01/1998	LT24.2FT03				
15	000311	35191025048	Nguyễn Trọng Ngọc	25/04/1994	LT24.2KN02				
16	000312	35191025427	Phạm Thị Minh Ngọc	23/03/1998	LT24.2FT01				
17	000313	35191025449	Phạm Thị Mộng Ngọc	00/ /1993	LT24.2AD02				
18	000314	35191025104	Phạm Thị Mỹ Ngọc	10/11/1998	LT24.2KN03				
19	000315	35201020426	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	15/09/1992	LT25.1FT01				
20	000316	35201020177	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	03/10/1995	LT25.1AD02				
21	000317	35201020550	Trương Tuấn Nguyên	26/01/1994	LT25.1FT03				
22	000318	35201020588	Lê Thị Nguyệt	11/07/1997	LT25.1FT01				
23	000319	35201020286	Phan Nguyễn Nhật Nguyệt	03/07/1997	LT25.1FT01				
24	000320	35201020463	Phạm Minh Nguyệt	08/08/1999	LT25.1FN01				
25	000321	35211020691	Huỳnh Thị Hồng Nhạn	28/05/1994	LT26.1KN02				
26	000322	35191020042	Đặng Trần Thảo Nhân	18/04/1997	LT24.1FT01				
27	000323	35181021158	Nguyễn Thành Nhân	20/08/1993	LT23.1FN002				
28	000324	35191020404	Trần Thị Mai Nhân	26/02/1992	LT24.1AD01				
29	000325	35201020212	Bùi Liêu Tú Nhi	06/12/1997	LT25.1FN01				
30	000326	35181020262	Đặng Thị Hồng Nhi	05/10/1996	LT23.1FT007				
31	000327	35201020440	Đinh Thị Yến Nhi	09/10/1995	LT25.1FT03				
32	000328	35201020448	Huỳnh Tuấn Nhi	27/12/1998	LT25.1KN02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-10 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196631

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000329	35201020016	Lê Thị Huỳnh Nhi	10/02/1998	LT25.1FT03				
34	000330	35201020441	Lê Thị Yến Nhi	09/10/1997	LT25.1FT03				
35	000331	35181025076	Lý Phú Nhi	18/05/1993	LT23.2AD001				
36	000332	35191025194	Nguyễn Thị Oanh Nhi	17/05/1998	LT24.2KN02				
37	000333	35201020139	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	13/07/1998	LT25.1FT03				
38	000334	35191025013	Phan Thị Yến Nhi	30/09/1991	LT24.2FN02				
39	000335	35191020437	Trần Thị Yến Nhi	13/03/1996	LT24.1AD01				
40	000336	35191025049	Trần Thị Yến Nhi	06/08/1997	LT24.2AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-11 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196632

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000337	35191025472	Trần Thị Yến Nhi	16/05/1998	LT24.2AD01				
2	000338	35191020159	Trần Yến Nhi	20/04/1990	LT24.1KN02				
3	000339	35201020349	Võ Thị Yến Nhi	01/01/1999	LT25.1AD02				
4	000340	35201020182	Ngô Thị Bích Nhiên	01/11/1997	LT25.1AD01				
5	000341	35191025152	Nguyễn Hồng Nhiên	06/11/1993	LT24.2FN02				
6	000342	35201020149	Nguyễn Thị Quỳnh Nhon	08/11/1997	LT25.1FT03				
7	000343	35191025367	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	05/05/1984	LT24.2KN01				
8	000344	35211020698	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	05/11/1989	LT26.1KN02				
9	000345	35191025041	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25/12/1998	LT24.2FN01				
10	000346	35201020188	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	04/05/1998	LT25.1FT03				
11	000347	35201020547	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	16/01/1996	LT25.1KN01				
12	000348	35191022017	Phan Thị Hồng Nhung	09/07/1998	LT24.2KN01				
13	000349	35181025339	Phạm Thị Mỹ Nhung	22/10/1995	LT23.2KN002				
14	000350	35201020042	Trần Thị Hồng Nhung	16/12/1996	LT25.1FT03				
15	000351	35181020166	Võ Thị Hồng Nhung	29/06/1993	LT23.1AD003				
16	000352	35201020308	Huỳnh Như	01/07/1993	LT25.1FN01				
17	000353	35191025042	Lê Huỳnh Như	10/02/1998	LT24.2FN01				
18	000354	35191025117	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10/08/1998	LT24.2FT02				
19	000355	35191025360	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/01/1998	LT24.2FT02				
20	000356	35201020332	Triệu Nguyễn Huỳnh Như	14/11/1997	LT25.1AD02				
21	000357	35191025306	Võ Thị Huỳnh Như	02/01/1998	LT24.2FT01				
22	000358	35201025045	Trần Thị Như	10/04/1980	LT25.2KN01				
23	000359	35191022041	Đinh Thị Khải Nương	04/08/1998	LT24.2AD01				
24	000360	35181021160	Nguyễn Phạm Ngọc Nữ	12/01/1989	LT23.1AD004				
25	000361	35191025097	Huỳnh Thị Kiều Oanh	05/03/1996	LT24.2AD01				
26	000362	35191020266	Phạm Thị Ngọc Oanh	09/10/1997	LT24.1KN01				
27	000363	35191025148	Nguyễn Trung Phát	23/11/1997	LT24.2FN02				
28	000364	35201020493	Bùi Thị Anh Phi	16/11/1998	LT25.1FT03				
29	000365	35191025464	Lê Thanh Phong	27/04/1994	LT24.2FT01				
30	000366	35201020051	Trần Thanh Phong	01/05/1993	LT25.1FN01				
31	000367	35191022026	Du Khanh Phúc	09/02/1998	LT24.2AD02				
32	000368	35181020550	Đặng Quang Phúc	02/10/1993	LT23.1KN004				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-11 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196632

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000369	35191025483	Mai Thanh Phúc	02/03/1992	LT24.2AD02				
34	000370	35201020155	Nguyễn Diễm Phúc	13/06/1996	LT25.1FT01				
35	000371	35201020564	Nguyễn Thanh Phúc	10/12/1998	LT25.1MR01				
36	000372	35181025239	Hoàng Trần Diễm Phụng	05/02/1994	LT23.2FN001				
37	000373	35191025321	Huỳnh Thị Như Phụng	13/03/1998	LT24.2FT01				
38	000374	35211020553	Trần Lương Phụng	16/09/1993	LT26.1KN02				
39	000375	35201020269	Võ Trang Kim Phụng	27/10/1997	LT25.1AD02				
40	000376	35181020962	Cao Thị Trúc Phương	25/06/1992	LT23.1NH001				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-12 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196633

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000377	35191025504	Hoàng Hà Phương	01/06/1998	LT24.2FT03				
2	000378	35191025136	Lê Thị Phương	06/10/1996	LT24.2FN02				
3	000379	35201020120	Lê Thị Phương	08/08/1992	LT25.1KN03				
4	000380	35191025370	Lê Thị Ngọc Phương	04/09/1987	LT24.2KN03				
5	000381	35191025096	Ngô Yến Phương	01/06/1994	LT24.2KN03				
6	000382	35201020571	Nguyễn Thị Phương	08/04/1987	LT25.1KN03				
7	000383	35191020461	Nguyễn Thị Ánh Phương	14/08/1991	LT24.1KN02				
8	000384	35201020535	Nguyễn Thị Lan Phương	22/02/1998	LT25.1KN01				
9	000385	35191025368	Nguyễn Trương Nam Phương	29/10/1997	LT24.2FT02				
10	000386	35191020527	Phạm Thị Tuyết Phương	13/10/1994	LT24.1FT01				
11	000387	35191025315	Trần Thị Mỹ Phương	26/09/1991	LT24.2KN01				
12	000388	35191025123	Trần Thị Hồng Phước	13/06/1996	LT24.2FT03				
13	000389	35181020442	Lưu Thị Hồng Phước	04/12/1994	LT23.1FN001				
14	000390	35201020154	Nguyễn Thị Bích Phước	20/03/1995	LT25.1MR01				
15	000391	35201025177	Phạm Hoàng Quyên	23/06/1992	LT25.2FN01				
16	000392	35191025328	Phạm Thị Hồng Quyên	11/07/1994	LT24.2FN02				
17	000393	35191025053	Cao Thị Như Quỳnh	09/06/1998	LT24.2FT01				
18	000394	35191020078	Lê Thị Anh Quỳnh	20/01/1994	LT24.1FT01				
19	000395	35191025418	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	07/03/1990	LT24.2FN01				
20	000396	35191025122	Phạm Phương Quỳnh	06/11/1997	LT24.2FN01				
21	000397	35191020319	Phạm Phú Quý	30/08/1996	LT24.1FT01				
22	000398	35201020134	Bùi Mạnh Sang	05/12/1996	LT25.1FT03				
23	000399	35191025292	Trương Thanh Sang	20/01/1996	LT24.2AD02				
24	000400	35191020520	Nguyễn Thị Kim Soa	29/09/1985	LT24.1KN02				
25	000401	35201020062	Huỳnh Thị Sương	16/01/1995	LT25.1KN01				
26	000402	35201020581	Lê Tiến Sỹ	10/04/1993	LT25.1AD02				
27	000403	35201020615	Mai Ngọc Tài	20/10/1991	LT25.1AD02				
28	000404	35191025255	Đoàn Đức Tâm	14/08/1998	LT24.2FN01				
29	000405	35191025075	Nguyễn Trần Thu Tâm	25/10/1994	LT24.2KN03				
30	000406	35201020140	Phạm Thị Thanh Tâm	28/02/1996	LT25.1FT03				
31	000407	35191025303	Trần Minh Tâm	10/03/1997	LT24.2FN02				
32	000408	35181020174	Hà Văn Tân	19/01/1993	LT23.1AD005				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-12 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196633

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000409	35181020905	Nguyễn Thành Tân	07/11/1989	LT23.1KN003				
34	000410	35211020090	Đàng Thị Mỹ	28/11/1997	LT26.1KN01				
35	000411	35191020292	Nguyễn Thị Ngọc	00/ /1995	LT24.1KN01				
36	000412	35201025127	Trần Thị Xuân	06/11/1994	LT25.2FT01				
37	000413	35181020822	Văn Thị	02/05/1985	LT23.1KN003				
38	000414	35191020152	Nguyễn Liên	14/02/1997	LT24.1KN02				
39	000415	35201020284	Nguyễn Văn	02/03/1998	LT25.1KN02				
40	000416	35191025039	Cao Đoàn Thị Thanh	11/06/1985	LT24.2KN03				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-13 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196634

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000417	35201020230	Dương Thị Thảo	16/04/1994	LT25.1FT03				
2	000418	35201020431	Đinh Thị Bích Thảo	07/06/1998	LT25.1KN02				
3	000419	35191025462	Đỗ Hoàng Phương Thảo	18/03/1991	LT24.2AD01				
4	000420	35181021082	Lã Phương Thảo	09/02/1992	LT23.1KN004				
5	000421	35191020407	Lê Thị Dạ Thảo	28/03/1993	LT24.1AD01				
6	000422	35191025110	Lê Trần Phương Thảo	04/08/1998	LT24.2KN02				
7	000423	35201020468	Nguyễn Hồng Phương Thảo	29/05/1989	LT25.1AD01				
8	000424	35201020197	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	14/11/1998	LT25.1AD01				
9	000425	35181021078	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	18/08/1996	LT23.1KN004				
10	000426	35191020117	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/11/1995	LT24.1KN01				
11	000427	35201020034	Phạm Thị Thu Thảo	12/12/1990	LT25.1KN02				
12	000428	35191020285	Trần Phương Thảo	27/11/1996	LT24.1KN03				
13	000429	35191025021	Vũ Quỳnh Ngọc Thảo	19/04/1996	LT24.2KN01				
14	000430	35201020181	Đinh Thị Xuân Thắm	21/06/1997	LT25.1KN02				
15	000431	35191020440	Nguyễn Thị Thắm	12/06/1985	LT24.1KN02				
16	000432	35201020419	Dương Thị Mai Thi	18/01/1996	LT25.1FT02				
17	000433	35191025279	Đinh Vũ Linh Thi	06/09/1996	LT24.2FN01				
18	000434	35181020611	Nguyễn Thị Ngọc Thi	30/04/1993	LT23.1KN003				
19	000435	35201020504	Trần Thị Anh Thi	12/08/1998	LT25.1FT02				
20	000436	35191025015	Trần Thị Yến Thi	06/01/1998	LT24.2FN01				
21	000437	35191025295	Võ Thị Thi	05/08/1997	LT24.2KN03				
22	000438	35191025363	Hồ Ngọc Thiên	15/05/1995	LT24.2KN03				
23	000439	35201020562	Trần Trúc Thiên	19/06/1996	LT25.1AD02				
24	000440	35191022045	Đỗ Quang Thiện	24/09/1997	LT24.2AD02				
25	000441	35191020438	Thái Gia Thiện	02/11/1996	LT24.1AD01				
26	000442	35191025060	Phạm Trường Thịnh	11/01/1994	LT24.2FN02				
27	000443	35181025008	Nguyễn Thị Kim Thoa	02/02/1995	LT23.2AD001				
28	000444	35201025332	Trần Thị Mỹ Thoa	22/11/1999	LT25.2FT01				
29	000445	35181025031	Huỳnh Thị Vĩnh Thơ	05/01/1995	LT23.2AD001				
30	000446	35191025078	Ka Thội	20/09/1996	LT24.2FT02				
31	000447	35181020824	Đoàn Thị Thu Thơm	20/10/1993	LT23.1KN004				
32	000448	35181025271	Nguyễn Thị Ngọc Thời	17/11/1991	LT23.2KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-13 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196634

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000449	35201020250	Mai Ngọc Diễm	Thu	15/07/1998	LT25.1KN02				
34	000450	35201020279	Nguyễn Thị Ý	Thu	10/12/1998	LT25.1FT03				
35	000451	35201020434	Mai Thị	Thuận	12/03/1993	LT25.1AD01				
36	000452	35191020534	Phạm Đức	Thuận	15/05/1991	LT24.1KN03				
37	000453	35191020283	Đinh Thị	Thuyền	15/11/1996	LT24.1KN02				
38	000454	35181025068	Lê Thị Mộng	Thùy	03/02/1996	LT23.2AD001				
39	000455	35181021133	Lã Thị Bích	Thùy	11/04/1985	LT23.1KN001				
40	000456	35201020315	Nguyễn Thị	Thùy	28/10/1996	LT25.1AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-14 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196635

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000457	35191025474	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/10/1978	LT24.2KN03				
2	000458	35191020130	Trương Thị Thủy	30/03/1990	LT24.1AD01				
3	000459	35191020467	Võ Thị Hồng Thủy	00/ /1986	LT24.1AD01				
4	000460	35191020473	Lê Phương Thúy	03/01/1982	LT24.1KN02				
5	000461	35201020179	Lê Thị Thu Thúy	25/03/1995	LT25.1FT02				
6	000462	35201025308	Nguyễn Thị Phương Thúy	19/11/1999	LT25.2FT02				
7	000463	35201020471	Phan Thị Minh Thúy	11/10/1997	LT25.1AD02				
8	000464	35191025084	Đỗ Thị Kiều Thư	10/11/1998	LT24.2FN01				
9	000465	35201020294	Lê Nguyễn Minh Thư	07/03/1999	LT25.1FN01				
10	000466	35201020293	Ngô Thị Minh Thư	10/02/1999	LT25.1FN01				
11	000467	35201020189	Nguyễn Hoàng Anh Thư	29/09/1998	LT25.1FT01				
12	000468	35191025238	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	26/02/1994	LT24.2AD02				
13	000469	35201025133	Nguyễn Thị Anh Thư	02/09/1996	LT25.2FT01				
14	000470	35191020194	Nguyễn Thị Minh Thư	15/09/1996	LT24.1FT01				
15	000471	35201020534	Võ Thị Minh Thư	02/04/1994	LT25.1KN01				
16	000472	35191025167	Hoàng Thị Thương	08/12/1996	LT24.2KN01				
17	000473	35201020412	Nguyễn Thị Thương	08/10/1996	LT25.1FT02				
18	000474	35191025138	Phạm Thị Hoài Thương	22/09/1997	LT24.2KN03				
19	000475	35191020181	Trần Thị Thương	27/10/1989	LT24.1KN02				
20	000476	35181021051	Lê Thị Thy Thy	12/01/1994	LT23.1FT006				
21	000477	35181020845	Nguyễn Thụy Diễm Thy	19/02/1990	LT23.1KN001				
22	000478	35191020498	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	11/10/1997	LT24.1AD01				
23	000479	35191020443	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	14/08/1997	LT24.1KN02				
24	000480	35181020679	Nguyễn Thị Thủy Tiên	06/10/1996	LT23.1KN004				
25	000481	35191020224	Nguyễn Thị Thủy Tiên	18/09/1996	LT24.1AD01				
26	000482	35201025013	Trần Quang Tiến	22/11/1992	LT25.2FN01				
27	000483	35191020140	Trương Quang Tiến	06/05/1996	LT24.1AD01				
28	000484	35201025101	Nguyễn Thị Mộng Tiếp	15/10/1994	LT25.2FN01				
29	000485	35181025234	Nguyễn Bảo Toàn	26/06/1988	LT23.2KN002				
30	000486	35191025340	Nguyễn Hữu Toàn	10/06/1991	LT24.2FN02				
31	000487	35181020482	Bùi Thị Thu Trang	26/09/1986	LT23.1KN003				
32	000488	35181025515	Cao Thị Trang	15/03/1994	LT23.2KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-14 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196635

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000489	35201020418	Huỳnh Thị Mỹ Trang	14/09/1998	LT25.1FT03				
34	000490	35191025151	Lê Nguyễn Thùy Trang	22/01/1997	LT24.2KN02				
35	000491	35201020006	Lê Thị Bích Trang	18/02/1996	LT25.1AD01				
36	000492	35181025558	Ngô Thị Kim Trang	05/01/1997	LT23.2AD001				
37	000493	35201025046	Nguyễn Thị Diễm Trang	28/04/1996	LT25.2FN01				
38	000494	35191020131	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/11/1991	LT24.1AD01				
39	000495	35191025112	Nguyễn Thị Mỹ Trang	19/09/1994	LT24.2FT02				
40	000496	35191025237	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/07/1994	LT24.2AD02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-15 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196636

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000497	35201020010	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/12/1993	LT25.1FT02				
2	000498	35201020244	Nguyễn Thùy Trang	30/01/1998	LT25.1FT01				
3	000499	35201020436	Nguyễn Trịnh Thùy Trang	29/08/1999	LT25.1FT01				
4	000500	35181021263	Phạm Thị Thùy Trang	05/03/1983	LT23.1KN001				
5	000501	35191020422	Trần Thị Diễm Trang	06/12/1988	LT24.1KN02				
6	000502	35191025205	Trần Thị Thu Trang	23/08/1994	LT24.2FN02				
7	000503	35181020819	Võ Thị Thanh Trang	18/03/1994	LT23.1KN001				
8	000504	35211020709	Lâm Thị Thanh Trà	11/07/1999	LT26.1KN02				
9	000505	35191020474	Nguyễn Thị Trà	22/03/1989	LT24.1KN01				
10	000506	35191022022	Nguyễn Bảo Ngọc Trâm	25/01/1998	LT24.2AD01				
11	000507	35201020385	Nguyễn Bích Trâm	12/01/1997	LT25.1AD02				
12	000508	35201020088	Nguyễn Hồng Trâm	25/12/1998	LT25.1KN03				
13	000509	35191020195	Nguyễn Thanh Trâm	20/08/1997	LT24.1FT01				
14	000510	35191020442	Nguyễn Thị Trâm	13/03/1993	LT24.1KN02				
15	000511	35201020415	Nguyễn Trần Phương Trâm	30/07/1996	LT25.1AD01				
16	000512	35201025333	Phạm Thị Bích Trâm	17/09/1999	LT25.2IB01				
17	000513	35201025341	Phạm Thị Phương Trâm	06/05/1999	LT25.2FT01				
18	000514	35201020082	Võ Thị Trâm	16/03/1998	LT25.1FT02				
19	000515	35191025302	Bùi Lê Bảo Trân	01/05/1998	LT24.2KN03				
20	000516	35201020510	Nguyễn Thị Huyền Trân	08/05/1997	LT25.1MR01				
21	000517	35201025146	Trần Huyền Trân	16/12/1991	LT25.2FN01				
22	000518	35201020190	Phạm Thị Linh Triều	02/10/1998	LT25.1FT02				
23	000519	35181021017	Đoàn Minh Triết	07/06/1996	LT23.1KN004				
24	000520	35201025343	Đỗ Thị Tuyết Trinh	26/08/1993	LT25.2FN01				
25	000521	35191025012	Ngô Thị Mai Trinh	06/11/1996	LT24.2KN01				
26	000522	35201025330	Ngô Thị Quốc Trinh	14/07/1993	LT25.2FT02				
27	000523	35191020155	Nguyễn Thị Diễm Trinh	04/05/1989	LT24.1KN01				
28	000524	35201020449	Nguyễn Thị Mai Trinh	19/04/1998	LT25.1KN01				
29	000525	35191025085	Phạm Thị Kiều Trinh	26/08/1998	LT24.2FN02				
30	000526	35201020574	Trần Thị Diễm Trinh	21/12/1992	LT25.1KN01				
31	000527	35201020619	Võ Thị Mỹ Trinh	18/08/1999	LT25.1FT02				
32	000528	35191025059	Lê Xuân Trinh	23/02/1998	LT24.2FT03				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-15 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196636

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000529	35211020590	Trần Thị Trí	08/04/1996	LT26.1KN02				
34	000530	35201020102	Trương Công Trí	13/02/1999	LT25.1KN01				
35	000531	35191025390	Lê Thanh Trúc	06/06/1994	LT24.2FT03				
36	000532	35191020145	Lê Thị Kim Trúc	01/02/1995	LT24.1AD01				
37	000533	35191025054	Phan Mộng Trúc	23/04/1998	LT24.2KN03				
38	000534	35201025369	Phan Thị Thanh Trúc	24/05/1993	LT25.2KN02				
39	000535	35191025125	Trần Thị Thu Trúc	25/01/1997	LT24.2KN02				
40	000536	35201025067	Hồ Đắc Bảo Tuấn	23/07/1991	LT25.2KN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-16 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196637

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000537	35191025450	Nguyễn Hoàng Tuấn	18/04/1993	LT24.2AD02				
2	000538	35181025533	Huỳnh Ngọc Kim Tuyền	22/11/1995	LT23.2AD001				
3	000539	35201025103	Phạm Thị Tuyền	06/11/1991	LT25.2FN01				
4	000540	35201020159	Trần Thị Minh Tuyền	25/02/1997	LT25.1FT02				
5	000541	35191020513	Vũ Thanh Tuyền	27/05/1997	LT24.1KN02				
6	000542	35201020069	Lê Kim Tuyền	06/10/1998	LT25.1FT01				
7	000543	35201020512	Trịnh Hồng Anh Tuyền	09/06/1999	LT25.1FT03				
8	000544	35201020033	Nguyễn Thị Tuyết	27/01/1998	LT25.1AD01				
9	000545	35181025517	Cao Thị Tùng	23/11/1991	LT23.2KN001				
10	000546	35211020625	Nguyễn Thanh Tùng	12/03/1988	LT26.1KN02				
11	000547	35191020346	Lê Minh Tú	28/09/1996	LT24.1AD01				
12	000548	35191022021	Nguyễn Thị Tú	04/08/1998	LT24.2FT01				
13	000549	35201020394	Phan Cẩm Tú	20/12/1998	LT25.1FT02				
14	000550	35201020432	Võ Cẩm Tú	25/03/1999	LT25.1MR01				
15	000551	35201020084	Huỳnh Phú Tường	10/01/1998	LT25.1MR01				
16	000552	35201020538	Trần Thị Tường	03/09/1996	LT25.1KN02				
17	000553	35201020192	Nguyễn Thị Tường	26/02/1999	LT25.1KN01				
18	000554	35201025360	Dương Thị Thảo Uyên	22/08/1998	LT25.2FT01				
19	000555	35181025525	Hồ Thị Uyên	25/10/1996	LT23.2FT001				
20	000556	35191020211	Lê Thị Phương Uyên	17/09/1987	LT24.1KN01				
21	000557	35191025218	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	13/04/1998	LT24.2KN03				
22	000558	35191025425	Nguyễn Nữ Tố Uyên	03/01/1995	LT24.2KN02				
23	000559	35191025391	Nguyễn Thị Thảo Uyên	21/09/1993	LT24.2FN01				
24	000560	35191025267	Trần Thị Hồng Uyên	13/06/1996	LT24.2FT03				
25	000561	35211020587	Phạm Thị Kim Vàng	03/10/1990	LT26.1KN02				
26	000562	35181020622	Trần Tấn Văn	15/06/1996	LT23.1KN003				
27	000563	35191025384	Đặng Thị Thu Văn	08/12/1993	LT24.2AD02				
28	000564	35201025412	Lê Đặng Thùy Văn	23/02/1994	LT25.2FT01				
29	000565	35191022030	Lê Kim Văn	13/01/1998	LT24.2FT01				
30	000566	35191025124	Phạm Thị Hồng Văn	19/12/1997	LT24.2KN03				
31	000567	35201025294	Trần Thị Ái Văn	10/03/1993	LT25.2AD02				
32	000568	35191025406	Trịnh Thị Hồng Văn	16/05/1994	LT24.2KN03				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-16 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196637

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	000569	35191025381	Võ Thị Kiều Vân	18/11/1995	LT24.2AD02				
34	000570	35201020085	Huỳnh Thị Thúy Vi	1991	LT25.1AD02				
35	000571	35191025486	Nguyễn Hạ Việt Vi	14/04/1990	LT24.2KN03				
36	000572	35191025502	Nguyễn Thị Tường Vi	26/03/1993	LT24.2AD02				
37	000573	35181021273	Nguyễn Thị Lan Viên	25/11/1994	LT23.1KN001				
38	000574	35181020502	Nguyễn Thị Vinh	04/06/1994	LT23.1KN001				
39	000575	35201020296	Võ Ngọc Vinh	23/10/1998	LT25.1AD02				
40	000576	35191020178	Bạch Xuân Vui	24/11/1997	LT24.1FT01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 **- Phòng thi:** BOX-17 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 196638

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000577	35191020439	Trần Văn Vui	11/03/1994	LT24.1AD01				
2	000578	35191025444	Đỗ Phạm Đình Vũ	10/04/1998	LT24.2KN03				
3	000579	35191025276	Nguyễn Quốc Vũ	15/08/1999	LT24.2FT02				
4	000580	35191020144	Huỳnh Thị Ái Vy	17/02/1995	LT24.1AD01				
5	000581	35201020421	Huỳnh Thị Yến Vy	17/12/1995	LT25.1AD01				
6	000582	35191020172	Lê Ngọc Khánh Vy	16/01/1996	LT24.1FT01				
7	000583	35201020480	Nguyễn Thảo Vy	20/05/1998	LT25.1FT03				
8	000584	35201025093	Nguyễn Thị Thúy Vy	10/08/1998	LT25.2FN01				
9	000585	35191025216	Nguyễn Thúy Vy	03/01/1998	LT24.2AD01				
10	000586	35191025180	Phạm Vũ Phương Vy	24/03/1999	LT24.2AD01				
11	000587	35201025175	Thái Lê Thảo Vy	21/12/1995	LT25.2FN01				
12	000588	35191020537	Huỳnh Thị Thanh Xuân	01/06/1994	LT24.1AD01				
13	000589	35191025029	Phan Ngọc Xum	10/11/1990	LT24.2KN03				
14	000590	35191020375	Nguyễn Thị Hà Xuyên	30/07/1994	LT24.1AD01				
15	000591	35191025211	Nguyễn Thị Xuyên	05/04/1985	LT24.2FN02				
16	000592	35191025468	Lê Văn Yên	01/10/1993	LT24.2FN02				
17	000593	35201025401	Nguyễn Thị Út Yên	25/08/1990	LT25.2FT01				
18	000594	35201025028	Nghiêm Thị Yến	23/09/1996	LT25.2FN01				
19	000595	35201020009	Nguyễn Thị Yến	19/09/1992	LT25.1AD02				
20	000596	35191025202	Nguyễn Thị Như Ý	27/12/1998	LT24.2AD01				
21	000597	35191022046	Phạm Thị Như Ý	27/11/1998	LT24.2AD02				
22	000598	35201020216	Trần Tô Như Ý	22/11/1999	LT25.1KN03				
23	000599	35181025063	Trần Nguyễn Thanh Lập	16/04/1992	LT23.2AD001				
24	000600	35181025578	Dương Hồng Nghi	26/05/1993	LT23.2AD001				
25	000601	35181021125	Nguyễn Thị Hồng Phấn	21/01/1994	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 21/11/2021 - **Phòng thi:** BOX-17 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 196638

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
26	000602	35181020830	Nguyễn Thị Thanh Trang	05/10/1991	LT23.1KN002				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh